

Cướp dâu: một giá trị văn hóa truyền thống cần bảo tồn hay sự vi phạm quyền con người?

Nguyễn Thị Vân Hạnh

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Dựa trên những nghiên cứu quốc tế, bài viết tìm hiểu nguồn gốc và xác định bản chất của phong tục cướp dâu đang diễn ra tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tác giả cho rằng cướp dâu và những hệ lụy của nó không hề đem lại bất cứ một tác động tích cực, một lợi ích đáng kể nào đối với người phụ nữ, mà trái lại, khiến cho quyền tự do, sức khỏe thể chất và tinh thần của họ bị xâm hại, địa vị xã hội của họ bị hạ thấp và tương lai của họ bị vùi dập. Vì mức độ phổ biến và tác hại nghiêm trọng của nó, ở một mức độ nào đó, phong tục cướp dâu có thể được xem như một thứ tội ác chống lại nhân loại.

Từ khóa: Hôn nhân; Gia đình; Cướp dâu; Bạo lực gia đình.

1. Cướp dâu như một phong tục cưới hỏi

Lễ cưới là một sự kiện quan trọng trong cuộc đời các cá nhân nói riêng và là một biểu hiện văn hóa của một dân tộc, một xã hội nói chung. Trên thế giới có rất nhiều các phong tục cưới hỏi khác nhau, có những phong tục được chia sẻ trên phạm vi toàn cầu với mức độ phổ biến (như tổ chức tiệc mừng, trao nhẫn cưới, dùng hoa cưới, hưởng tuần trăng mật...), lại có

những phong tục chỉ tồn tại trong một cộng đồng, một dân tộc (như việc tổ chức lễ cưới tại nhà thờ của cộng đồng những người theo đạo Thiên Chúa, Tin Lành, phong tục buộc cô dâu chú rể của người Mexico, hay sự hiện diện không thể thiếu của trầu cau trong lễ cưới hỏi của người Việt). Bên cạnh đó, cũng tồn tại nhiều phong tục được chia sẻ bởi không chỉ một cộng đồng, một dân tộc nhưng với mức độ phổ biến không cao trên toàn cầu và nhất là ở mỗi dân tộc, mang những màu sắc, ý nghĩa và biểu trưng riêng. Cướp dâu là một phong tục như thế.

Cướp dâu là một phong tục cưới hỏi, trong đó cô dâu sẽ bị chú rể bắt cóc. Phong tục này tồn tại ở nhiều châu lục như châu Phi (Rwanda, Ethiopia, Kenya, Somalia), châu Á (Kyrgyzstan, Kazakhstan, Trung Quốc, Lào, Việt Nam), châu Mỹ (Chilê, Mexico) hay vùng Cáp-ca giáp ranh giữa châu Âu và châu Á (Georgia, Azerbaijan, Armenia), cùng một số quốc gia châu Âu (Croatia, Bosnia-Herzegovina, Bulgari...).

Một trong những trường hợp cướp dâu được biết đến đầu tiên trong lịch sử diễn ra từ những năm 750 trước Công nguyên khi những người đàn ông thuộc bộ tộc Roman chiến đấu với bộ tộc Sabiens để cướp những người phụ nữ từ bộ tộc láng giềng này về làm vợ (Sengupta, 2013). Người phụ nữ xinh đẹp và nổi tiếng nhất từng là một cô dâu bị bắt cóc là nàng Helen của thành Troy trong thần thoại Hy Lạp.

Cướp dâu có thể được chia ra thành 2 dạng: tự nguyện và không tự nguyện. Ở dạng thứ nhất, cô dâu tự nguyện tham gia vào phong tục này, biết trước về sự diễn ra của nó. Chẳng hạn như phong tục vui tại nhiều ngôi làng nhỏ ở nước Đức khi bạn bè của chú rể “bắt cóc” và giấu cô dâu ở một nơi nào đó khiến chú rể phải đi tìm. Hoặc tại Romania, phong tục bắt cóc cô dâu trước lễ cưới cũng là một phong tục phổ biến như một hoạt động thú vị của sự kiện hôn nhân. Các cô dâu bị “bắt cóc” làm “con tin” vẫn vui vẻ nhảy múa và chờ đợi các chú rể thương thuyết với những “kẻ bắt cóc” để chuộc mình về với những cái giá rất đa dạng như vài chai whisky hay những lời hứa lãng mạn, những lời tuyên bố chính thức về tình yêu. Nói tóm lại, ở dạng tự nguyện này, đôi trai gái chủ động với hoạt động “cướp dâu” và về bản chất nó chỉ như một “thủ tục” hay một nghi thức của hôn lễ mà không làm thay đổi ý nghĩa của hôn nhân như sự gán

kết chính thức giữa hai người yêu nhau.

Ở dạng thứ hai - dạng không tự nguyện, cô dâu không biết, không chủ động và thường là không đồng tình với hành động cướp dâu (mà cô là nhân vật chính). Ở dạng này, chú rể, thường được trợ giúp bởi bạn bè hay họ hàng, sẽ bắt cóc cô dâu - cô gái mà họ muốn lấy làm vợ, cho dù họ có quen biết nhau từ trước hay không. Khi cô dâu bị đưa về nhà chú rể, gia đình chú rể sẽ thông báo cho gia đình cô dâu để gia đình cô dâu định liệu. Mặc dù gia đình cô dâu có thể từ chối gả con gái và yêu cầu gia đình chú rể thả con gái họ về, nhưng hầu hết các gia đình đều không làm thế, mà trái lại, thúc giục và thuyết phục con gái họ chấp nhận cuộc hôn nhân này vì sợ ảnh hưởng tới danh tiếng của gia đình (con gái bị bắt cóc và thả về sẽ không thể lấy được chồng nữa, gia đình sẽ bị một vết nhơ). Trong khi đó, tại nhà chú rể, cô dâu được “chăm sóc” bởi mẹ chồng tương lai và những người phụ nữ khác trong gia đình chú rể. Những người này sau đó sẽ ép cô dâu từ nhẹ nhàng đến đe dọa, nhưng thường là thuyết phục cô dâu chấp nhận cuộc hôn nhân như họ đã từng chấp nhận. Trong nhiều trường hợp, cô dâu bị bắt cóc có thể bị ép buộc về mặt thể xác như đánh đập và cưỡng hiếp.

2. Cướp dâu: giá trị truyền thống cần bảo tồn hay sự vi phạm quyền con người?

Phong tục là một phần của văn hóa. Có những phong tục thể hiện những giá trị tốt đẹp, cần lưu giữ, nhưng cũng có những phong tục bản chất là hủ tục, là phản văn hóa, là đi ngược lại những giá trị chung của xã hội. Trong khi cướp dâu có thể là một phong tục đem lại niềm vui, tiếng cười trong những cuộc hôn nhân ở một số quốc gia như đã minh chứng ở trên, nó lại là nước mắt, là nỗi đau đối với phụ nữ ở một số quốc gia khác. Tại các quốc gia châu Á như Kyrgyzstan, Kazakhstan, Chénya, Georgia hay châu Phi như Rwanda, Somalia, cướp dâu là một phong tục truyền thống được thực hành với mức độ phổ biến và điều đáng nói là nó tồn tại như một nỗi ám ảnh đối với những người phụ nữ nơi đây.

Trong các vụ cướp dâu, khá phổ biến là người phụ nữ bị bắt cóc sẽ bị xâm phạm thân thể như đánh đập và cưỡng hiếp (đặc biệt là ở Rwanda –

nơi hầu hết các cuộc bắt cóc đều kết thúc bằng sự đánh đập và cưỡng hiếp để “chắc chắn” là người phụ nữ sẽ buộc lòng phải chấp nhận làm vợ người đàn ông đã bắt cóc mình). Không những thế, nhiều người phụ nữ từng là nạn nhân của các cuộc bắt cóc cho biết họ vẫn tiếp tục bị đánh đập trong suốt thời gian làm vợ (Stakeeva và cộng sự, 2011). Ngay cả trong những trường hợp người phụ nữ không bị những tổn thương về thể xác thì tinh thần cũng bị ảnh hưởng. Nhiều cô gái là nạn nhân của các cuộc bắt cóc cho biết họ rất hoảng sợ và sau đó thì hoang mang và gặp nhiều khó khăn về tâm lý khi phải sống trong một gia đình với những người hoàn toàn xa lạ (Stakeeva và cộng sự, 2011). Và tổn thương tâm lý, tinh thần lớn nhất là người phụ nữ bị bắt cóc không hề được coi trọng, không được hỏi ý kiến, không được quyền tham gia vào một quyết định lớn của cuộc đời họ.

Mặt khác, quyền và địa vị của người phụ nữ đã bị xâm phạm nghiêm trọng trong những vụ cướp dâm. Những nạn nhân của phong tục cướp dâm hoàn toàn không có đến một ý niệm về một cuộc hôn nhân xuất phát từ tình yêu, họ không được quyền lựa chọn người đàn ông của mình, không có quyền từ chối cuộc hôn nhân sắp đặt mà họ hoàn toàn không đồng tình. Theo các nghiên cứu tại Kyrgyzstan, tới 90% các cô gái là nạn nhân của các cuộc bắt cóc không hề biết gì về người chồng tương lai của mình. Nhiều trường hợp, các cô gái buộc phải chấp nhận lấy những người chồng mà sau đó họ mới phát hiện ra là bị tàn tật hay thậm chí là bị bệnh tâm thần. Nhiều cô gái là nạn nhân của các cuộc bắt cóc cho biết họ cũng có bạn trai hoặc yêu ai đó trước khi bị bắt cóc, chồng họ không phải là người mà họ yêu, nhưng họ hoàn toàn không (thể) làm gì khác ngoài việc chấp nhận.

Chuẩn mực văn hóa khiến những người phụ nữ là nạn nhân của các cuộc cướp dâm chỉ có thể lựa chọn một trong ba phương án sau: (1) chấp nhận kết hôn và chung sống với người đàn ông mà họ không yêu; (2) từ chối hôn nhân, quay trở về gia đình, chịu đựng sự ghẻ lạnh của gia đình, sự chê cười của xã hội, suốt đời không lấy được ai khác làm chồng; và (3) tự kết liễu đời mình để chấm dứt nhanh mọi khổ đau. Chính vì thế, có tới hơn 90% những người phụ nữ bị bắt cóc đã chấp nhận chung sống với chính người đã bắt cóc, hành hạ mình (Kamm, 2011).

Chấp nhận cuộc hôn nhân ngoài ý muốn, những phụ nữ bị bắt cóc cũng phải chấp nhận một cuộc đời không giống như họ suy nghĩ và mong đợi. Hầu hết các cô gái khi bị bắt cóc đều còn đang ở độ tuổi đi học (chủ yếu là trung học và đại học) và hầu hết trong số họ chấm dứt con đường học vấn của mình để trở thành những bà nội trợ với địa vị không được coi trọng trong gia đình và ngoài xã hội (Azizova, 2009).

Như vậy, có thể thấy, cướp dâu và những hệ lụy của nó không hề đem lại bất cứ một tác động tích cực, một lợi ích đáng kể nào đối với người phụ nữ, mà trái lại, khiến cho quyền tự do, sức khỏe thể chất và tinh thần của họ bị xâm hại, địa vị xã hội của họ bị hạ thấp và tương lai của họ bị vùi dập. Vì mức độ phổ biến và tác hại nghiêm trọng của nó, ở một mức độ nào đó, phong tục cướp dâu bạo tàn này có thể được xem như một thứ tội ác chống lại nhân loại.

3. Cướp dâu: những rào cản trên con đường xoá bỏ

Trong xã hội hiện đại, cướp dâu được coi là một dạng tội phạm và được ghi nhận trong điều luật của một số quốc gia (Georgia, Kyrgyzstan). Những điều luật này quy định tội cướp dâu sẽ bị xử phạt từ 2-10 năm tù (Luật Hình sự Georgia 1960, Luật Hình sự Kyrgyzstan 1994). Tuy nhiên, trong thực tế ở các quốc gia này, hầu như chưa từng ghi nhận những trường hợp bị xử vì tội cướp dâu bởi nó vẫn được xem như một phong tục truyền thống, được xã hội thừa nhận, dư luận không lên án kẻ bắt cóc mà trái lại, gây nhiều áp lực cho nạn nhân nếu họ trình báo các cơ quan công quyền. Ví dụ như ở Tetrtskaro - một thị trấn nhỏ gần thủ đô Tbilisi của Georgia - năm 2009, cảnh sát có ghi nhận 8 trường hợp trình báo về cướp dâu, nhưng sau đó không một trường hợp nào bị khởi tố vì các nạn nhân lần lượt xin rút đơn tố cáo (Kamm, 2011). Về điều này, gia đình của cô dâu cũng đóng một vai trò đáng kể trong việc đưa đến thành công cho những cuộc bắt cóc, rất ít gia đình dám đương đầu với áp lực từ cộng đồng để đón nhận con gái quay về, hầu hết đều “đồng tình” với những kẻ bắt cóc và cố gắng thuyết phục hay thậm chí ép buộc con gái họ chấp nhận cuộc hôn nhân để danh dự của gia đình được bảo đảm. Nhiều gia đình thậm chí còn đem con trở lại nhà kẻ bắt cóc sau khi con gái họ đã trốn thoát về hoặc tham gia sắp đặt vụ bắt cóc. Một người mẹ Kazakhstan có một con gái bị

bắt cóc và còn hai con gái khác hơn 20 tuổi chưa bị bắt cóc thể hiện mong muốn sớm có người bắt cóc con mình để con mình yên bề gia thất vì cũng đã “hoi quá tuổi lấy chồng” (Azizova, 2009).

Không chỉ có hai bên gia đình có liên đới tới việc bắt cóc, cả xã hội dường như cũng tiếp tay cho hành động phi nhân đạo này. Thông thường, nếu vụ bắt cóc diễn ra ngay thanh thiên bạch nhật giữa đường phố, nạn nhân của cuộc bắt cóc giãy giụa, kêu khóc để cố trốn thoát thì người đi đường phải can thiệp, hoặc báo cảnh sát hoặc ít nhất là gọi người khác trợ giúp. Nhưng đối với các cuộc bắt cóc cô dâu thì không, mặc cho các cô gái vật vã gào khóc, kêu cứu, những người chứng kiến vẫn đứng đưng bỏ qua vì đối với họ đó là chuyện bình thường, bản thân họ hay những người thân của họ cũng có thể đã từng trải qua một chuyện tương tự như thế. Những người phụ nữ trong gia đình của những kẻ bắt cóc cũng tự nguyện tiếp tay cho hành động sai trái này, tham gia lên kế hoạch và trực tiếp thuyết phục cô dâu bằng chính kinh nghiệm của bản thân họ. Các nạn nhân của các vụ bắt cóc thì gần như cũng đã sẵn tâm lý rằng “một ngày nào đó họ sẽ bị bắt cóc” và cho dù không mong muốn thì đối với họ việc bị bắt cóc này cũng không có gì là quá bất ngờ (Azizova, 2009). Chính vì sự chấp nhận này của xã hội mà nạn bắt cóc cô dâu càng có điều kiện hoành hành và gia tăng.

Theo một nghiên cứu, năm 2001, có tới hơn 50% các cuộc hôn nhân ở Kyrgyzstan bắt nguồn từ những vụ cướp dâu. Tình hình thậm chí có chiều hướng gia tăng khi cuộc nghiên cứu tiếp theo thực hiện năm 2004 cho thấy con số đã lên tới 80% (Stakeeva và cộng sự, 2011). Những người dễ trở thành nạn nhân của nạn cướp dâu nhất là phụ nữ trẻ trong độ tuổi từ 14-22 sinh sống ở khu vực nông thôn. Tại Kyrgyzstan, khoảng 60-80% các vụ cướp dâu xảy ra ở nông thôn.

Nhận thức được những tác động tiêu cực đối với người phụ nữ từ phong tục cướp dâu và tính chất phi nhân đạo của phong tục này, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn và các tổ chức xã hội đã có nhiều nghiên cứu cũng như những hành động thiết thực nhằm thay đổi nhận thức, hành vi đối với phong tục này. Tại Kyrgyzstan, cướp dâu là chủ đề chính cho những nghiên cứu liên quan đến phụ nữ, giới và quyền con người. Dựa trên

những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, nạn cướp dâm hiện đang phổ biến tại một số quốc gia châu Á và châu Phi được nhận định là một sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người, cần phải được xóa bỏ. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có dấu hiệu của sự thuyên giảm tỷ lệ các cuộc hôn nhân bắt đầu bằng những cuộc cướp dâm đẫm máu và nước mắt.

Muốn tiến tới xóa bỏ phong tục phi nhân đạo này, cần hiểu được căn nguyên và động cơ tồn tại của nó. Sự xuất hiện và tồn tại của phong tục cướp dâm được nhận định là dựa trên một số nguyên nhân cơ bản. Đầu tiên, phải kể đến *chế độ phụ hệ, gia trưởng* - nơi địa vị của người đàn ông luôn cao hơn phụ nữ và người phụ nữ nhiều khi chỉ được xem như vật sở hữu của người đàn ông, vật “trang trí” để đàn ông khẳng định vị thế, bản lĩnh của mình. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, cướp dâm còn trở thành việc để người đàn ông chứng minh “dũng khí” và “phong độ”: cướp được cô gái càng xinh đẹp sẽ càng thể hiện là mình có bản lĩnh. Thứ hai là *sự đề cao trình tiết của người phụ nữ*. Trong những xã hội nơi phong tục cướp dâm diễn ra, trình tiết của người phụ nữ vẫn được xem là một giá trị quan trọng, quyết định danh dự của bản thân người phụ nữ cũng như những người có liên quan (cha mẹ, chồng...). Một khi người phụ nữ đã bị bắt cóc và ở cùng một nơi với một người đàn ông thì trình tiết của họ bị đặt dấu hỏi và cho dù họ đã thực sự mất trinh hay chưa thì danh dự của họ và gia đình cũng đã bị hoen ố. Đây là cơ sở quan trọng khiến cho các cuộc cướp dâm thường thành công vì nạn nhân không muốn mình và gia đình bị mất danh dự cũng như không bao giờ còn có cơ hội lấy chồng nữa (không người đàn ông nào trong những xã hội này chấp nhận lấy một phụ nữ không còn trinh tiết). Lý do thứ ba liên quan đến *khía cạnh kinh tế*, đôi khi việc tổ chức một lễ cưới và tiền thách cưới là những chi phí quá tốn kém mà gia đình chú rể không đáp ứng được, trong những trường hợp này, cướp dâm trở thành giải pháp để giảm thiểu chi phí. Hoặc ngược lại, gia đình cô dâu quá nghèo và chấp nhận “bán” con gái để nhận được một khoản tiền nào đó từ gia đình chú rể. *Trình độ học vấn thấp, nhận thức kém* của tất cả các bên có liên quan trong các vụ cướp dâm cũng được xem là một tác nhân thúc đẩy phong tục này. Một nhà nghiên cứu khi tiến hành phỏng vấn các bà mẹ có con gái bị bắt cóc ở Kazakhstan đã thu được câu trả lời rằng mong muốn lớn nhất của họ đối với con gái mình là con được

hạnh phúc. Nhưng quan điểm về “hạnh phúc” của họ dường như chỉ là con gái lấy được chồng và có một gia đình “yên ổn” (theo vẻ bề ngoài, cùng với sự chấp nhận, chịu đựng của người con gái) và nếu như vậy thì cướp dâu dường như lại là con đường dễ dàng nhất giúp các cô gái có được “hạnh phúc” kiểu này (Azizova, 2009). Cuối cùng và cũng không kém phần quan trọng là *sự yếu kém của luật pháp* trong ngăn chặn và xử phạt những hành vi được xem là vi phạm pháp luật này. Nhiều người trong cuộc không biết hành vi cướp dâu bị pháp luật cấm đoán, họ đơn giản nghĩ đó là một phong tục lâu đời, còn các cô dâu bị bắt cóc thì lại có rất ít cơ hội để tiếp cận với những hỗ trợ pháp lý để bảo vệ quyền cho họ (Stross, 1974; Kamm, 2010; Stakeeva và cộng sự, 2011).

Những phân tích trên cho thấy, để có thể đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ phong tục cướp dâu hiện vẫn còn diễn ra phổ biến ở nhiều nơi như đã viện dẫn, còn rất nhiều việc cần phải làm, cần sự chung tay của nhiều bên liên quan và của cả xã hội vì chuẩn mực văn hóa không phải là những thứ có thể thay đổi nhanh chóng trong ngày một ngày hai. Điều quan trọng trước hết cần làm là những hành động nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về phong tục này, sau đó sẽ dần dần từng bước tạo cơ sở cho sự thay đổi hành vi. ■

Tài liệu trích dẫn

- Elke Kamm. 2010. *Women and honor in the Republic of Georgia*. Workshop “Law in the Caucasus: anthropological perspectives on legal practice”, European Association of Social Anthropologists, Maynooth, August 24-27.
- Elke Kamm. 2012. “The Pride of Being Kidnapped: Women’s Views on Bride Kidnapping in Tetrtskaro, Georgia”. *Caucasus Analytical Digest* (42).
- Claudia Cruz Leo. 2013. *Marriage in form, trafficking in content: non-consensual bride kidnapping in contemporary Kyrgyzstan*. University of Chicago.
- Shombit Sengupta. 2013. “Bride kidnapping”. *The Indian Express Journalism of Courage*.
- Bermet Stakeeva, Chinara Kartanbaeva, Nurgul Djanaeva. 2011. *Access to justice for victims of bride kidnapping in Kyrgyzstan*. Forum of women’s NGOs of Kyrgyzstan.

Brian Stross. 1974. "Tzeltal marriage by capture". *Anthropological Quarterly* 47:3.

Sarah Amsler, Russ Kleinbach. 1999. "Bride kidnapping in the Kyrgyz Republic". *International Journal of central Asian studies* (4).

Sevara Azizova. 2009. *Bride kidnapping in Kazakhstan in discourses of law and custom, nationalism and tradition, kinship and gender*. Master of Art in Gender study, Central European University, Hungary.

Teng Moua. 2003. *The Hmong culture: Kinship, marriage and family systems*. The Graduate College University of Wisconsin-Stout.